

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 218 | Ngày: 10/04/2026 21:47

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Lê Tuấn Anh

Doanh thu: 1.934.000 đ

Tiền mặt: 937.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 997.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 3.868.000 đ

Tiền mặt cả ngày: 1.874.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 1.994.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 6.00 Cái    | 0.54 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 376.00 gram | 0.25 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 610.00 gram | 0.39 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 316.00 gram | 0.68 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 109.00 gram | 0.45 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Đào Ngâm      | 468.00 gram | 0.43 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Syrup Đường Đen      | 765.00 ml   | 0.19 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Hồng Trà             | 13.00 gram  | 0.98 Gói    | 8.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Soda                 | 17.00 lon   | 0.00 Lon    | 12.00 Lon       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Syrup Bạc Hà         | 654.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Lựu Đỏ         | 583.00 ml   | 0.17 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Mút Chanh Dây        | 708.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mút Kiwi             | 516.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mút Mãng Cầu         | 1127.00 ml  | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mút Việt Quất        | 706.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mút Xoài             | 946.00 ml   | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Sữa Tươi Không Đường | 43.00 ml    | 2.96 Hộp    | 1.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Syrup Curacao        | 885.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Đào            | 854.00 ml   | 0.15 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Trà Ô Long           | 4.00 gram   | 0.99 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                         | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|-----------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Trà Ô Long Đào              | 17.00 gram   | 0.97 Gói    | 5.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Sốt Matcha                  | 241.00 ml    | 0.62 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Sốt Caramel                 | 303.00 ml    | 0.52 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Sốt Chocolate               | 476.00 ml    | 0.24 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Syrup Táo                   | 573.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Bột Kem Muối                | 134.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Bánh Tuổi Thơ Vị Dừa - Tròn | 26.00 Hộp    | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Bánh Tuổi Thơ Vị Dừa - Dài  | 4.00 Hộp     | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bia Heineken bạc            | 11.00 Lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bia Heineken xanh           | 24.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Cam                         | 2854.00 gram | 0.15 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Cà Rốt                      | 3877.00 gram | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Chanh Vàng                  | 145.00 gram  | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Dưa Hấu                     | 2419.00      | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Pepsi                     | 28.00 lon   | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Trà dưỡng tâm             | 7.00 Gói    | 3.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Trà dưỡng nhan            | 10.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Vải Ngâm                  | 6.00 Trái   | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 12.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 12.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Hướng Dương               | 10.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Bánh Sữa Lớn              | 21.00 Bịch  | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Bột Matcha                | 405.00 gram | 0.19 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Trà lài                   | 17.00 Gram  | 0.00 Gói    | 18.00 Gói       | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....